

I. Nội dung ôn tập

1.1. Đại số

- Quy tắc nhân đa thức.
- Các HĐT đáng nhớ.
- Các pp phân tích đa thức thành nhân tử.
- Chia đa thức một biến đã sắp xếp.

1.2. Hình học

- Định lý tổng các góc trong một tứ giác.
- Định nghĩa, tính chất, dấu hiệu nhận biết của các tứ giác đặc biệt: hình thang cân, hình bình hành, hình chữ nhật.
- Định nghĩa, tính chất đường TB của tam giác, hình thang
- Đối xứng trục, đối xứng tâm

II. Một số bài tập cụ thể

A. Trắc nghiệm

Hãy chọn phương án trả lời đúng và viết chữ cái đứng trước phương án đó vào bài làm.

Câu 1. Kết quả của phép nhân $5x(4x^2 - 2x + 1)$ là

- A. $20x^3 - 10x^2 - 5x$
- B. $20x^3 - 10x^2 - x$
- C. $20x^3 - 10x^2 + 5x$
- D. $20x^3 - 10x^2 + x$

Câu 2. Phép nhân $(x - 6)(x + 5)$ có kết quả là

- A. $x^2 - 11x - 30$
- B. $x^2 + x - 30$
- C. $x^2 - x - 30$
- D. $x^2 + 11x - 30$

Câu 3. Giá trị của biểu thức $x^2 + 4x + 4$ tại $x = 98$ là

- A. 100
- B. 1 000
- C. 10 000
- D. 100 000

Câu 4. Rút gọn biểu thức $(2x - 1)^2 - 4x(x + 2)$ là

- A. $-12x + 1$
- B. $4x + 1$
- C. $-12x - 1$
- D. $2x^2 + 4x + 1$

Câu 5. Đơn thức thích hợp điền vào chỗ trống của $\dots - 25 = (3x + 5)(3x - 5)$ là

- A. $3x^2$
- B. $9x^2$
- C. $6x$
- D. $-9x^2$

Câu 6. Phân tích đa thức $27 + x^3$ thành nhân tử được kết quả là

- A. $(x + 3)(x^2 + 3x + 9)$
- B. $(x - 3)(x^2 + 3x + 9)$
- C. $(x - 3)(x^2 - 3x + 9)$
- D. $(x + 3)(x^2 - 3x + 9)$

Câu 7. Biết $3x(x - 3) + 6(3 - x) = 0$. Giá trị của x là

- A. $x = 3$ hoặc $x = 2$
- B. $x = 3$ hoặc $x = -2$
- C. $x = -3$ hoặc $x = -2$
- D. $x = -3$ hoặc $x = 2$

Câu 8. Tứ giác ABCD có $A = 130^\circ$; $B = 80^\circ$; $C = 110^\circ$. Số đo D là

- A. 150°
- B. 90°
- C. 40°
- D. 50°

Câu 9. Một hình thang có độ dài một đáy là 10cm, độ dài đường trung bình là 20cm. Độ dài đáy còn lại của hình thang là

- A. 15cm
- B. 20cm
- C. 25cm
- D. 30cm

Câu 10. Trong các hình sau hình nào có một trục đối xứng?

- A. Đường tròn
- B. Hình bình hành

C. Hình thang cân

D. Tam giác đều

Câu 11. Hình không có tâm đối xứng là

A. Tam giác đều

B. Hình tròn

C. Hình bình hành

D. Đoạn thẳng

Câu 12. Khẳng định nào sau đây là đúng?

A. Tứ giác có hai đường chéo bằng nhau là hình chữ nhật.

B. Hình bình hành có hai đường chéo bằng nhau là hình chữ nhật.

C. Hình thang có một góc vuông là hình chữ nhật.

D. Hình thang cân có hai đường chéo bằng nhau là hình chữ nhật

B. Tự luận

Bài 1. Thực hiện phép tính

a) $5x^2(3x + 7)$

b) $4x(3x^2 + 5x - 6)$

c) $(x + y)(x - 2y)$

d) $(x - 5)(-x^2 + x + 1)$

e) $(x^2 - 3x + 9)(x + 3)$

f) $(4x + 2y)(4x - 2y)$

g) $8x^3 + 12x^2 + 6x + 1$

h) $1 - 9x + 27x^3 - 27x^2$

k) $(15x^4 - 6x^3 - 3x^2) : 6x^2$

i) $5x^2y^2 + 15x^2y^3 - 20xy) : 5xy$

m) $(-2x^2 + x^3 + 6 - x) : (x - 4)$

n) $(27x^3 - 1) : (3x - 1)$

Bài 2. Rút gọn các biểu thức sau

a) $3x^2 - 2x(5 + 1,5x) + 10$

b) $(2x - 3)(x + 7) - 2x(x + 5) - x$

c) $(x + 3)(x - 3) - (x - 5)(x + 2)$

d) $(x - 1)^2 - (x + 2)(x - 2)$

e) $(x + 2)(x^2 - 2x + 4) - x(x^2 + 2)$

f) $(x + 2y)^3 - 6xy(x + 2y)$

g) $(2x + 3)^2 + (2x - 3)^2 - 2(4x^2 - 9)$

h) $3(2x - 1)(2x + 5) - (4x - 1)(3x - 1)$

2)

Bài 3. Phân tích đa thức thành nhân tử

a) $9x - 15y$

b) $5x^2 - 25xy + 10y^2$

c) $4x(a + b) + 3y(a + b)$

d) $5a(x - y) + 2b(y - x)$

e) $x^2 - 25$

f) $(2x - 5)^2 - 64$

g) $27x^3 + 125y^3$

h) $8x^3 - y^3 - 6xy(2x - y)$

k) $x^2 - xy + 5x - 5y$

m) $2x^2 - x - 6xy + 3y$

n) $x^2 + 2xy + y^2 - 25$

o) $3x^2 - 3xy - 5x + 5y$

i) $3x^3 - 75$

u) $5x^2y - 30xy^2 + 45y^3$

s) $x^2 + 5x + 6$

t) $x^2 - 4x + 3$

Bài 4. Tìm x

a) $5(2x - 1) - 4(8 - 3x) = 7$

b) $5(x - 3) + 7 = 3x + 11$

c) $(x + 8)(x + 6) - x^2 = 104$

d) $(2x + 1)^2 - 4(x + 2)^2 = 9$

e) $(x - 2)^3 - x(x + 1)(x - 1) + 6x^2 = 5$

f) $3x^2 - 6x = 0$

g) $x^2 - 25 = 0$

h) $12x(3 - 4x) + 7(4x - 3) = 0$

i) $2(x + 5) - x^2 - 5x = 0$

k) $3x^2 - 5x - 2 = 0$

B. Hình học

Bài 1. Cho tam giác ABC ($AB < AC$), đường cao AH. Gọi D, E, F lần lượt là trung điểm của các cạnh AB, AC, BC

a) Chứng minh tứ giác BDEF là hình bình hành.

b) Chứng minh tứ giác EFHD là hình thang cân.

c) Biết $\widehat{B} = 60^\circ$, tính các góc của tứ giác EFHD.

Bài 2. Cho tam giác ABC có D là trung điểm của BC. Qua D kẻ $DE \parallel AC$ ($E \in AB$)

a) Chứng minh E là trung điểm của AB. Từ đó suy ra $AC = 2DE$

b) Lấy F đối xứng với D qua E. Chứng minh tứ giác ACDF là hình bình hành.

c) Vẽ điểm Q đối xứng với C qua A. Chứng minh Q đối xứng với B qua F

d) Gọi M là trung điểm của AD, DQ cắt AB tại I. Chứng minh F, M, I thẳng hàng.

Bài 3. Cho hình bình hành ABCD ($AB > AD$). Qua A kẻ đường thẳng vuông góc với BD tại E, cắt CD tại I. Qua C kẻ đường thẳng vuông góc với BD tại F, cắt AB tại K.

a) Tứ giác AKCI là hình gì? Vì sao?

b) Chứng minh $AF \parallel CE$

c) Chứng minh ba đường thẳng AC, EF, KI đồng quy

Bài 4. Cho tam giác ABC vuông cân tại A, đường cao AH. Từ điểm M bất kì trên cạnh BC (M không trùng với B và C) kẻ các đường thẳng song song với AC và AB cắt AB ở D và cắt AC ở E

a) Tứ giác ADME là hình gì? Vì sao?

b) Giả sử $AD = 6$, $AE = 8$ cm. Tính AM?

c) Chứng minh $\widehat{DHE} = 45^\circ$

Bài 5. Cho tam giác ABC có M, N lần lượt là trung điểm của AB, AC.

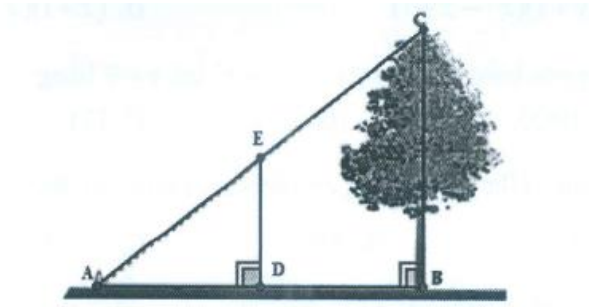
a) Chứng minh $BC = 2MN$

b) Gọi K là điểm đối xứng của M qua N. Tứ giác BCKM là hình gì? Vì sao?

c) Tứ giác AKCM là hình gì? Vì sao?

d) Để tứ giác AKCM là hình chữ nhật thì tam giác ABC cần có thêm điều kiện gì?

Bài 6. Một nhóm học sinh muốn đo chiều cao của một cây (có độ dài BC như hình vẽ). Biết D là trung điểm của AB và $DE = 3$ m. Tính chiều cao của cây? (vẽ lại hình vào bài làm)



A. Định hướng chung:

Một số nội dung kiến thức trọng tâm:

I. Văn bản văn học – Truyện ngắn, tiểu thuyết Việt Nam hiện đại (1930-1945)

1. Tôi đi học
2. Trong lòng mẹ
3. Tức nước vỡ bờ

***Yêu cầu:**

- Nhớ được nét chính về thông tin tác giả, tác phẩm
- Giải thích được ý nghĩa nhan đề, nắm được cốt truyện, ngôi kể, các sự việc, nhân vật, các chi tiết nghệ thuật đặc sắc và giá trị nội dung, nghệ thuật trong từng văn bản.
- Luyện tập kỹ năng trả lời các câu hỏi đọc – hiểu văn bản.

Tên văn bản	Tên tác giả	Thể loại	PTBD	Ngôi kể	Nội dung chính	Nghệ thuật đặc sắc

II. Tiếng việt:

1. Trường từ vựng
2. Từ tượng hình, từ tượng thanh
3. Trợ từ, thán từ, tình thái từ.

***Yêu cầu:**

- Nhớ được đặc điểm, khái niệm của từng đơn vị kiến thức.
- Nhận biết được đơn vị kiến thức trong ngữ liệu cụ thể và chỉ ra tác dụng của việc sử dụng yếu tố Tiếng Việt trong việc biểu đạt nội dung.

	Khái niệm – Chức năng	Ví dụ
Trường từ vựng		
Từ tượng thanh		
Từ tượng hình		
Trợ từ		
Thán từ		
Tình thái từ		

III. Tập làm văn

1. Chủ đề, tính thống nhất về chủ đề của văn bản
2. Xây dựng đoạn văn trong văn bản
3. Liên kết đoạn văn trong văn bản.
4. Tóm tắt văn bản tự sự

***Yêu**

cầu:

- Nắm vững cách viết và viết được đoạn văn nghị luận về tác phẩm văn học (cảm nhận về nhân vật, chi tiết nghệ thuật, nội dung, chủ đề ...) và vấn đề xã hội được gợi ra từ tác phẩm (vai trò của mái trường, tình yêu thương, tình mẫu tử...).
- Tóm tắt được các văn bản tự sự đã học.

B. Một số dạng bài tập tham khảo:

Bài 1: Các từ in đậm trong đoạn trích trên thuộc trường từ vựng nào?

a) “*Vì tôi biết rõ, nhắc đến mẹ tôi, cô tôi chỉ có ý gieo rắc vào đầu óc tôi những **hoài nghi** để tôi **khinh miệt** và **ruồng rẫy** mẹ tôi, một người đàn bà đã bị cái tội là góa chồng, nợ nần cùng túng quá, phải bỏ con cái đi tha hương cầu thực. Nhưng đời nào tình **thương yêu** và lòng **kính mến** mẹ tôi lại bị những **rắp tâm** tanh bẩn xâm phạm đến...*” (Nguyễn Hồng)

b) “*... Trước mắt tôi trường Mỹ Lý trông vừa xinh xắn vừa oai nghiêm như cái đình làng Hòa Ấp. Sân nó rộng, mình nó cao hơn trong những buổi trưa hè đầy vắng lặng. Lòng tôi đâm ra **lo sợ** vẫn vơ.*

*Cũng như tôi, mấy cậu học trò mới bờ ngỡ **đứng nép** bên người thân, chỉ dám **nhìn** một nửa hay dám **đi** từng bước nhẹ. Họ như con chim non đứng bên bờ tổ, nhìn quãng trời rộng muốn bay, nhưng còn ngập ngừng e sợ. Họ **thèm** vụng và **ước ao** thâm được như những người học trò cũ, **biết** lớp biết trường để khỏi phải rụt rè trong cảnh lạ.” (Thanh Tịnh)*

Bài 2: Tìm các từ tượng hình, tượng thanh có trong các đoạn văn sau:

a) Anh Dậu uốn vai ngáp dài một tiếng, uể oải, chống tay xuống phản, anh vừa rên vừa ngồng đầu lên. Run rẩy cất bát cháo, anh mới kê vào đến miệng, cai lệ và người nhà lí trưởng đã sầm sập tiến vào với những roi song, tay thước và dây thừng. (Ngô Tất Tố)

b) Người nhà lí trưởng hình như không dám hành hạ một người ốm nặng sợ hoặc xảy ra sự gì, hần cứ lóng ngóng ngơ ngác, muốn nói mà không dám nói. Đùng đùng, cai lệ giật phất cái thừng trong tay anh này và chạy sầm sập đến chỗ anh Dậu. (Ngô Tất Tố)

c) Ngồi trên đệm xe, đùi áp đùi mẹ tôi, đầu ngả vào cánh tay mẹ tôi tôi thấy những cảm giác ấm áp đã lâu mất đi bỗng lại mơn man khắp da thịt. Hơi quần áo mẹ tôi và những hơi thở ở khuôn miệng xinh xắn nhai trầu phả ra lúc đó thơm tho lạ thường. (Nguyễn Hồng)

d) Mặt lão đột nhiên co rúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu như con nít. Lão hu hu khóc... (Nam Cao)

Bài 3: Tóm tắt các văn bản “Tôi đi học”, “Trong lòng mẹ”, “Tức nước vỡ bờ”.

Bài 4: Một số đề tự luyện

ĐỀ 1

“Hàng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại nao nức những kỷ niệm mơn man của buổi tựu trường.

Tôi quên thế nào được những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng.

Những ý tưởng ấy tôi chưa lần nào ghi lên giấy, vì hồi ấy tôi không biết ghi và ngày nay tôi không nhớ hết. Nhưng mỗi lần thấy mấy em nhỏ rụt rè núp dưới nón mẹ lần đầu tiên đến trường, lòng tôi lại tung bừng rộn rã. Buổi mai hôm ấy, một buổi mai đầy sương thu và gió lạnh, mẹ tôi âu yếm nắm tay tôi dẫn đi trên con đường làng dài và hẹp. Con đường này tôi đã quen đi lại lắm lần, nhưng lần này tự nhiên thấy lạ. Cảnh vật chung quanh tôi đều thay đổi, vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn: hôm nay tôi đi học.”

(Tôi đi học,

Ngữ Văn 8 tập 1, NXB Giáo dục)

Câu 1: Hãy cho biết tác giả của truyện ngắn “Tôi đi học”. Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên là gì?

Câu 2: Truyện ngắn “Tôi đi học” được kể ở ngôi thứ mấy? Nêu tác dụng của ngôi kể trong việc biểu đạt nội dung văn bản.

Câu 3: Chỉ rõ và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng ở câu in đậm trong đoạn trích.

Câu 4: Từ tâm trạng của cậu học trò lần đầu tới trường, hãy viết một đoạn văn khoảng 8-10 câu nêu suy nghĩ của em vai trò của mái trường trong cuộc đời mỗi con người.

ĐỀ 2

“Mẹ tôi lấy vạt áo nâu thấm nước mắt cho tôi rồi xúc nách tôi lên xe. Đến bây giờ tôi mới kịp nhận ra mẹ tôi không còn cõng xơ xác quá như cô tôi nhắc lại lời người họ nội của tôi. Gương mặt mẹ tôi vẫn tươi sáng với đôi mắt trong và nước da mịn, làm nổi bật màu hồng của hai gò má. Hay tại sự sung sướng bỗng được trông nhìn và ôm ấp cái hình hài máu mủ của mình mà mẹ tôi lại tươi đẹp như thuở còn sung túc? Tôi ngồi trên đệm xe, đùi áp đùi mẹ tôi, đầu ngả vào cánh tay mẹ tôi, tôi thấy những cảm giác ấm áp đã bao lâu mất đi bỗng lại mơn man khắp da thịt. Hơi quần áo mẹ tôi và những hơi thở ở khuôn miệng xinh xắn nhai trầu phả ra lúc đó thơm tho lạ thường.”

(Ngữ Văn 8 tập 1, NXB Giáo dục)

Câu 1: Đoạn trích trên trích trong văn bản nào? Tác giả là ai?

Câu 2: Giải thích nhan đề của văn bản chứa đoạn trích trên.

Câu 3: Nêu ngắn gọn nội dung đoạn trích trên bằng một câu văn.

Câu 4: Tìm các từ cùng thuộc một trường từ vựng và gọi tên trường từ vựng đó. Cho biết tác dụng của việc sử dụng các trường từ vựng đó trong đoạn trích.

Câu 5: Từ tình cảm của mẹ con bé Hồng trong đoạn trích, em hãy viết một đoạn văn khoảng 10 câu nêu suy nghĩ của em về tình mẫu tử.

ĐỀ 3

“ - Mày trối ngay chồng bà đi, bà cho mày xem!

Rồi chị túm lấy cổ hắn, ấn gúi ra cửa. Sức leo khoẻo của anh chàng nghiện chạy không kịp với sức xô đẩy của người đàn bà lực điền, hắn ngã chổng quèo trên mặt đất, miệng vẫn nham nhảm thét trối vợ chồng kẻ thiếu suu.

Người nhà Lý trưởng sấn sổ bước đến, giơ gậy chực đánh chị Dậu. Nhanh như cắt, chị Dậu nắm ngay được gậy của hắn. Hai người giằng co nhau, du đẩy nhau, rồi ai nấy đều buông gậy ra, áp vào vật nhau. Hai đứa trẻ con kêu khóc om sòm. Kết cục, anh chàng hầu cận ông Lý yếu hơn chị chàng con mọn, hắn bị chị này túm tóc lẳng cho một cái, ngã nhào ra thềm.”

(Tức nước vỡ bờ - Ngô Tất Tố, Ngữ Văn 8 tập 1, NXB Giáo dục)

Câu 1: Trình bày xuất xứ của văn bản chứa đoạn trích trên. Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên là gì?

Câu 2: Hãy giải thích nhan đề “Tức nước vỡ bờ”?

Câu 3: Nêu nội dung chính của đoạn trích trên bằng một câu văn.

Câu 4: Hãy chỉ ra các từ tượng hình, từ tượng thanh có trong đoạn trích và nêu tác dụng của các từ đó trong việc biểu đạt nội dung.

Câu 5: Cho câu chủ đề: **“Chị Dậu là người phụ nữ nông dân có sức mạnh phản kháng tiềm tàng mãnh liệt”**, hãy viết 1 đoạn văn quy nạp khoảng 10-12 câu làm sáng tỏ câu chủ đề trên. Trong đoạn văn có sử dụng 01 trợ từ (gạch chân và chú thích rõ).

Câu 6: Kể tên một văn bản trong chương trình Ngữ Văn THCS cũng viết về đề tài người nông dân. Cho biết tên tác giả của văn bản đó.

ĐỀ 4

“Cô tôi chưa dứt câu, cổ họng tôi đã nghẹn ứ khóc không ra tiếng. Giá những cổ tục đã đày đọa mẹ tôi là một vật như hòn đá hay cục thủy tinh, đầu mẩu gỗ, tôi quyết vồ lấy ngay mà cắn, mà nhai, mà nghiến cho kì nát vụn mới thôi.”

(Trong lòng mẹ - Nguyên Hồng, Ngữ Văn 8 tập 1, NXB Giáo dục)

Câu 1: Trình bày hoàn cảnh sáng tác và xuất xứ của văn bản “Trong lòng mẹ”.

Câu 2: Văn bản trên được kể ở ngôi thứ mấy? Cho biết tác dụng của việc sử dụng ngôi kể này.

Câu 3: Các từ in đậm trong đoạn trích thuộc trường từ vựng nào? Tác dụng của việc sử dụng các từ ngữ ấy là gì?

Câu 4: Cho câu chủ đề: ***“Chú bé Hồng có tình yêu thương mẹ vô bờ bến”***, dựa vào văn bản “Trong lòng mẹ” (Nguyên Hồng) hãy làm sáng tỏ câu chủ đề trên bằng một đoạn văn diễn dịch khoảng 12 câu. Trong đoạn văn có sử dụng 01 trợ từ, 01 thán từ (gạch chân, chú thích rõ).

Câu 5: Hãy kể tên 01 văn bản tự sự trong chương trình Ngữ Văn THCS có cùng ngôi kể với văn bản trên.

Tính từ/trạng từ	Dạng so sánh hơn
Good /well	Better
Bad /badly	Worse
Far	Farther/ further
Much/ many	More
Little	Less
Old	Older/ elder
Early	Earlier

3. Questions

Trong tiếng Anh, khi chúng ta cần hỏi rõ ràng và cần có câu trả lời cụ thể, ta dùng câu hỏi với các từ để hỏi. Loại câu hỏi này được gọi là câu hỏi trực tiếp (direct questions)

Các từ dùng để hỏi trong tiếng Anh

Who (Ai) (chức năng chủ ngữ)	Whom (Ai) (chức năng tân ngữ)	What (Cái gì)	Whose (Của ai)
Where (Ở đâu)	Which (cái nào) (để hỏi về sự lựa chọn)	When (Khi nào)	Why (Tại sao)
How (như thế nào)	How much (Bao nhiêu)	How many (Bao nhiêu, số lượng)	How long (Bao lâu)
How far (Bao xa)	How old (Bao nhiêu tuổi)	How often (Bao nhiêu lần)	What time (Mấy giờ)

4. Articles

a. Mạo từ bất định a/an

- “a” đứng trước các danh từ đếm được số ít.

- “an” thay thế cho “a” khi đứng trước danh từ bắt đầu là nguyên âm (u,e,o,a,i)

b. Mạo từ xác định “the”

- Đứng trước một danh từ đã được đề cập .

There is a festival in my village. The festival is very old.

- **Đề cập đến vật là duy nhất**

The Earth moves around the Sun .

- **Sử dụng trước hình thức so sánh hơn nhất.**

Minh is the tallest in his class.

EXERCISES

Exercise 1: Find the word which has a different sound in the part underlined

1. A. sound B. out C. found D. enough
2. A. bracelet B. favourite C. craft D. game
3. A. ride B. excite C. ridden D. beehive
4. A. pasture B. vast C. brave D. farm
5. A. community B. custom C. costume D. museum
6. A. ethnic B. gather C. though D. there

Exercise 2: Find the word that has different position of stress from the others

1. A. library B. museum C. melody D. favourite
2. A. protection B. addicted C. computer D. goldfish
3. A. skateboard B. sticker C. adore D. leisure
4. A. harvest B. collect C. peaceful D. whisper

5. A. opportunity B. inconvenient C. facility D. optimistic

Exercise 3: Choose the best answer (A, B, C or D).

1. My grandma enjoys _____ woolly hats in her free time.
A. to make B. make C. making D. made
2. Johnny _____ play computer games.
A. is addicting to B. is addicted to C. addicts to
D. addicted to
3. My sisters _____ Korean drama _____ Indian drama.
A. prefer - to B. prefers - than C. prefer - in D. prefer
-than
4. Nam _____ the Internet a lot to find useful information for his studying.
A. surfs B. types C. checks D. looks
up
5. Collecting honey from the _____ requires a lot of skills.
A. beehive B. beenest C. beehouse D.
beehome
6. Do not _____! They are doing a very important project.
A. disturb B. relax C. play D. make
fun
7. People who have a _____ life have to move a lot.
A. rural B. stable C. nomadic D. slow
8. _____ kite is one of the most popular outdoor activities among children in the countryside.
A. Doing B. Singing C. Flying D.
Using
9. Sunny sings the song _____ than Jessie does.
A. as well B. better C. the best D. best
10. Ly comes to class _____ than she did yesterday.
A. earlier B. the most early C. more early D. too
earlier
11. Is living in the countryside _____ than living in the city?
A. much convenient B. more convenient C. most convenient D. too
convenient
12. The storm is becoming _____ than it was yesterday.
A. severe B. severely C. more severe D. more
severely
13. The cake tastes _____ than we expected.
A. delicious B. more delicious C. deliciously D. more
deliciously
14. She is trying to work _____ for her upcoming exam.
A. more hardly B. hardly C. hardlier D. harder
15. Terraced fields are often found in _____ area.
A. mountain B. mountainous C. mountaineer D.
mountainful
16. Vietnam is a country of great _____ with 54 ethnic groups.
A. diversity B. diversified C. diverse D. diversion
17. _____ does Hung Temple Festival take place? – In Phu Tho.
A. What B. Where C. When D. Why
18. _____ do the cattle provide the nomads? – Dairy products, meat and clothing.

- A. What B. Where C. When D. Why
19. _____ is this festival held among the ethnic group? – Every month.
- A. How B. How often C. When D. Why
20. The Tay is _____ second largest ethnic group in Vietnam.
- A. a B. an C. the D. 0
21. _____ space of Gong culture in Vietnam considers Gong a connection between men and _____ supernatural.
- A. The – the B. A – a C. An – an D. 0 – 0
22. Vietnam is _____ multi-ethnic country with over 50 distinct groups.
- A. the B. a C. 0 D. an
23. The Kinh is _____ majority ethnic group of _____ Vietnam.
- A. the – the B. the – 0 C. 0 – a D. 0 – the
24. Important decisions of the whole tribal group are often made in the _____ house.
- A. communal B. communication C. communicate D. common
25. Vietnamese government has made great effort to _____ traditional cultural identities of each minority group.
- A. change B. preserve C. collect D. store
26. The Cham has a _____ of wet rice cultivation.
- A. tradition B. traditional C. traditionally D. traditioned
27. ‘Children in my village often fly their kites in dry rice fields.’ ‘_____’
- A. What a pity! B. Oh, I don’t care!
C. Yes, me too! D. How interesting!
28. ‘Is it true that Y Moan was the greatest pop singer of the Ede?’ ‘_____’
- A. Really? B. How beautiful! C. Come on! D. Exactly.
29. ‘Look at this dish, Nick. It has five colours.’ ‘_____’
- A. How nice! B. What a shame! C. Sounds bad. D. Okay.
30. ‘In some ethnic groups, women play the leading role in the family’ ‘_____’
- A. Well, of course. B. I don’t think so.
C. Wow, that’s surprising! D. It’s all right

Exercise 4: Choose the word or phrase that is CLOSEST in meaning to the part in each of the following sentences.

1. The most popular evening out among teenagers is going to the cinema.
- A. common B. famous C. interesting D. boring
2. He is hooked on football so much that he goes to every match of his favourite team.
- A. is interested in B. is fed up with C. is tired of D. is in favour of
3. It is risky to travel across the mountain at night.
- A. safe B. unsafe C. convenient D. inconvenient
4. It is easy to get on well with neighbourhood in the countryside. People are all friendly and willing to help each other.
- A. to work together with B. to be a helpful friend of
C. to have a friendly relationship with D. to exchange goods with

Choose the word or phrase that is OPPOSITE in meaning to the underline part in each of

5. Billy is an amateur musician. He spends most of his free-time playing the guitar and composing new songs with his school band
- A. knowledgeable B. professional C. talented D. well-educated
6. The King was not brave enough to protect his kingdom and let the monster take the Princess away.

- A. courageous B. confident C. strong D. coward
7. Ancestor worshipping plays a significant role in Vietnames culture.
 A. important B. unimportant C. minor D. active
8. The majority of The Viet live along the Red River and The Mekong Delta.
 A. a half B. all C. minority D. none

Exercise 5: Choose the underlined part A, B, C or D that needs correcting.

1. I love farm work, such as digging holes, sowing seeds and pick fruit.
 A B C D
2. She is boring with the silent surrounding because she used to live in a big city.
 A B C D
3. Life in the countryside is much peaceful than life in the city.
 A B C D
4. After the harvesting time, the farmers load the drawn-buffalo cart with hay
 A B C D
5. She doesn't mind help her mother with the housework
 A B C D

Exercise 6: Read the following passage and choose the option (A, B, C or D) that best answers each of the questions below.

Netiquette is the etiquette or good manners of using the Internet. Being friendly and polite shows good manners both offline and online. You should ask someone's permission before posting anything about them on the web or sharing their emails, photo, or chat conversations. You need to make sure they know you are sharing it and agree with it.

If your friend gives you permission to forward something, be sure to protect them by removing any personal information like their name and email address, and remove any parts that have nothing to do with what you want to share.

If someone is rude in cyberspace, you have a choice between joining in and making it worse or just walking away from it. If their attacks are directed at you, you can block them and talk to a trusted adult about how to best deal with them before responding.

41. What is netiquette?

- A. It is the etiquette or good manners.
 B. It is the etiquette of using the Internet.
 C. It is the etiquette or good manners of using the Internet.
 D. It is the good manners of using the Internet.

42. What are good manners when you are online or offline?

- A. Being friendly and polite
 B. Asking someone's permission
 C. Posting anything on the web
 D. Sharing emails, photo, or chat conversations

43. What should you do before posting and sharing something related to other people on the web?

- A. Being friendly and polite
 B. Asking their permission
 C. Posting anything on the web
 D. Sharing emails, photo, or chat conversations.

44. What can you do to protect your friend's personal information ?

- A. Removing the name and email address

- B. Removing any parts that you want to share
 - C. Removing any personal information you like
 - D. Removing some parts of their names and address
- 45. What should you do if you get cyber bullying?**

- A. Joining in
- B. Making it worse
- C. Walking away from it
- D. Talking to them about how to best deal with them

Exercise 7: Read the following passage and choose the option (A, B, C or D) that best answers each of the questions below.

With the habit of working in teams and being helpful to one other, villagers usually earn their living from farming, raising livestock and making handicrafts. They live in a small community with a temple or a communal cultural house where great events, such as festivals worshipping the village god and traditional games are organized. Villagers in the Southern usually live in houses lined up along central road and built on stilts to keep above flood waters. Along the coastal lines, fishermen depend on the sea as a means of livelihood. In the Central of Vietnam, a place suffering lots of natural disasters all the year round, citizens tend to be more studious and hard-working than those in regions with favourable conditions. People in the central highlands and the northern mountains live by growing rice, rubber trees coffee and tea as well as hunting.

41. Which can be the topic of the passage?

- A. Villagers across the country.
- B. Villagers around the world.
- C. Vietnamese life in the countryside .
- D. Vietnamese life in the city.

42. Which activity is NOT MENTIONED as a way for villagers to earn their livings?

- A. Farming.
- B. Raising livestock.
- C. Making handicrafts.
- D. Working for companies

43. Why do Southern villagers need to build their houses on stilt?

- A. To protect the house from being attacked by wild animals.
- B. To protect the house from being flooded.
- C. To protect the house from earthquakes .
- D. To protect the house from evil things.

44. Which sentence is NOT TRUE according to the passage?

- A. There are many disasters in the Central of Vietnam.
- B. Villagers in the Southern usually live in houses lined up along central road.
- C. People in the Northern Mountainous earn their livings by hunting.
- D. Villagers often work individually.

45. Which explanation has the closest meaning to the word “studious” in the passage?

- A. Spending a lot of time studying.
- B. Lacking of academic knowledge.
- C. Being lazy in studying .
- D. Being very intelligent.

Exercise 8: Read the following passage and choose the correct answer for each gap.

I surf the Internet every day, but I’ve never (1)_____ more than an hour at a time online. I’ve got a laptop and also a smartphone, so I can (2)_____ the internet anywhere. Today, for instance, I’ve been (3)_____ three times.

Mainly I just (4)_____ my friends. I read online magazines and I look (5)_____ information, too. I also compare prices of things, (6) _____ I’ve never bought anything online because I don’t think it’s safe.

I’m not an Internet addict, but some of my friends (7)_____. One friend of mine always looks (8)_____ because he spends all night online. Although he’s got a lot of bad marks for the exams, he hasn’t (9)_____ his habits.

In my experience, it's very useful for people who use the Internet (10)_____.

1. A. spend B. spending C. spent D. to spend
2. A. have B. use C. play D. do
3. A. online B. Internet C. computer D. newspaper
4. A. write B. email C. send D. get
5. A. at B. in C. for D. to
6. A. because B. but C. although D. so
7. A. is B. were C. are D. was
8. A. tired B. hard C. happily D. interested
9. A. change B. to change C. changed D. changing
10. A. sensible B. sensibly C. sensibleness D. insensible

Exercise 9: Choose the word or the phrase among A,B, C or D that best fits the blank space in the following passage.

The country and the city have advantages and (1)_____. People in the country live in more beautiful surroundings. They enjoy (2)_____ and quietness, and can do their work at their (3)_____ pace because no one is in a (4)_____. They live in larger, more comfortable houses, and their neighbors are more friendly, and ready to help them (5)_____ they need it. Their life, however, can be (6)_____ and they may be isolated, which is a serious problem (7)

_____ they are ill or want to take children to school.

The city has all the services that the country lacks, but it (8)_____ has a lot of disadvantages. Cities are often polluted. They not (9)_____ have polluted air but also have noisy streets. Everyone is always in a hurry and this (10)_____ that people have no time to get to know each other and make friends.

1. A. joy B. enjoyment C. happiness D. disadvantages
2. A. quiet B. quietly C. peace D. peaceful
3. A. less B. own C. just D. only
4. A. hurry B. hurried C. hurriedly D. hurrying
5. A. When B. which C. what D. that
6. A. bore B. bored C. boring D. bores
7. A. unless B. because C. although D. if
8. A. also B. yet C. already D. so
9. A. never B. ever C. hardly D. only
10. A. aims B. means C. asks D. said

Exercise 10: Write the second sentence so that it has a similar meaning to the first one

1. Flying a kite in the countryside is very exciting.

It's _____

2. I have lived in the countryside for three years.

I started _____

3. Listening to music is my favourite activity in my free time

I enjoy _____

4. Jane makes crafts better than her sister.

Jane's sister doesn't _____

5. Her house is bigger than my house

My house _____

Exercise 11: Make sentences, using the words, phrases below

1. Peter/ prefer/ play/ computer games/ in his free time.

2. You/ hate/ do/ the washing?

3. My father/ enjoy/ play/ sports/ and/ read/ book.

4. Many teenagers/ addicted/ the Internet/ computer games.

5. How much/ money/ you/spend/on clothes/ last month?

A. LÝ THUYẾT

HS ôn lại các kiến thức cơ bản của 5 bài:

- Bài 1: Vai trò của bản vẽ kỹ thuật trong sản xuất và đời sống
- Bài 2: Hình chiếu
- Bài 3: Thực hành hình chiếu của vật thể
- Bài 4: Bản vẽ các khối đa diện
- Bài 5: Thực hành đọc bản vẽ các khối đa diện
- Bài 6: Bản vẽ các khối tròn xoay
- Bài 7: Thực hành: Đọc bản vẽ các khối tròn xoay
- Bài 8, 9: Hình cắt – Bản vẽ chi tiết
- Bài 10: Thực hành: Đọc bản vẽ chi tiết đơn giản có hình cắt.
- Bài 11: Biểu diễn ren
- Bài 12: Thực hành: Đọc bản vẽ chi tiết đơn giản có ren
- Bài 13: Bản vẽ lắp
- Bài 14: Thực hành: Đọc bản vẽ lắp đơn giản
- Bài 15: Bản vẽ nhà

B. BÀI TẬP

I. Trắc nghiệm

Câu 1. Bản vẽ nhà thuộc vào loại bản vẽ nào:

- A. Bản vẽ cơ khí.
- B. Bản vẽ xây dựng.
- C. Bản vẽ giao thông.
- D. Bản vẽ chi tiết

Câu 2. Có bao nhiêu phép chiếu

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

Câu 3. Phép chiếu xuyên tâm các tia chiếu có đặc điểm:

- A. Song song với nhau
- B. Đồng quy tại một điểm
- C. Vuông góc với nhau
- D. Song song và vuông góc với nhau

Câu 4. Hình chiếu đứng có hướng chiếu:

- A. Từ dưới lên.
- B. Từ trên xuống.
- C. Từ trái sang.
- D. Từ trước tới

Câu 5. Hình chiếu cạnh có hướng chiếu:

- A. Từ dưới lên.
- B. Từ trên xuống.
- C. Từ trái sang.
- D. Từ trước tới

Câu 6: Mặt phẳng chiếu cạnh là:

- A. Mặt phẳng chính diện
- B. Mặt nằm ngang
- C. Mặt cạnh bên phải
- D. Mặt cạnh bên trái.

Câu 7. Hướng chiếu từ trên xuống sẽ thu được:

- A. Hình chiếu đứng
- B. Hình chiếu bằng
- C. Hình chiếu cạnh
- D. Hình cắt cạnh

Câu 8. Trên bản vẽ kỹ thuật, các hình chiếu của một vật thể được vẽ trên:

- A. Cùng một mặt phẳng của bản vẽ
- B. Trên hai mặt phẳng của bản vẽ
- C. Trên ba mặt phẳng của bản vẽ
- D. Trên bốn mặt phẳng của bản vẽ

Câu 9. Hình cắt là hình biểu diễn:

- A. Phần vật thể trên mặt phẳng cắt.
- B. Phần vật thể trước mặt phẳng cắt
- C. Phần vật thể sau mặt phẳng cắt.
- D. Phần vật thể dưới mặt phẳng cắt

Câu 10. Hình chóp đều được bao bởi các hình gì ?

- A. Một đa giác đều và các tam giác cân. B. Một hình chữ nhật và các tam giác vuông.
C. Một hình chữ nhật và các hình tròn. D. Một hình chữ nhật và các đa giác đều.

Câu 11. Hình nón có đáy song song với mặt phẳng chiếu bằng. Hỏi hình chiếu cạnh có hình gì?

- A. Hình tròn B. Hình vuông C. Hình chữ nhật D. Tam giác cân

Câu 12. Thường dùng mấy hình chiếu để biểu diễn hình chóp?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 13. Trình tự đọc bản vẽ chi tiết là:

- A. Khung tên → hình biểu diễn → kích thước → tổng hợp → yêu cầu kỹ thuật.
B. Khung tên → kích thước → hình biểu diễn → yêu cầu kỹ thuật → tổng hợp.
C. Khung tên → hình biểu diễn → tổng hợp → kích thước → yêu cầu kỹ thuật.
D. Khung tên → hình biểu diễn → kích thước → yêu cầu kỹ thuật → tổng hợp.

Câu 14. Trong các bản vẽ mà em đã học nội dung bảng kê có trong loại bản vẽ nào:

- A. Bản vẽ nhà B. Bản vẽ lắp C. Bản vẽ chi tiết D. Biểu diễn ren.

Câu 15. Ren trong còn có tên gọi khác là gì.

- A. Ren lỗ. B. Ren trục. C. Ren bị che khuất. D. Ren ngoài.

Câu 16. Trình tự đọc bản vẽ lắp là:

- A. Khung tên → hình biểu diễn → kích thước → bảng kê → phân tích chi tiết → tổng hợp.
B. Khung tên → hình biểu diễn → bảng kê → kích thước → phân tích chi tiết → tổng hợp
C. Khung tên → bảng kê → hình biểu diễn → kích thước → phân tích chi tiết → tổng hợp
D. Khung tên → hình biểu diễn → kích thước → phân tích chi tiết → bảng kê → tổng hợp

Câu 17. Đinh vít là chi tiết có ren gì ?

- A. Ren trong B. Ren ngoài
C. Cả ren trong và ren ngoài D. Ren bị che khuất

Câu 18. đai ốc là chi tiết có ren gì ?

- A. Ren ngoài B. Ren trong C. Ren bị che khuất D. Cả ren trong và ren ngoài

Câu 19. Trong quy ước vẽ ren nhìn thấy thì **đường chân ren** được vẽ bằng nét nào sau đây?

- A. Liền đậm B. Nét đứt C. Liền mảnh D. Nét gạch chấm mảnh

Câu 20. Đối với ren ngoài, đường giới hạn ren được vẽ bằng nét:

- A. Nét liền đậm. B. Nét liền mảnh.
C. Nét đứt. D. Nét liền đậm hoặc nét liền mảnh đều được.

Câu 21. Đối với ren trong, đường chân ren được vẽ bằng nét:

- A. Nét liền đậm B. Nét liền mảnh
C. Nét đứt D. Nét liền đậm hoặc nét liền mảnh đều được.

Câu 22 Bản vẽ kỹ thuật được dùng trong quá trình nào?

- A. Chế tạo, lắp ráp, vận hành và sửa chữa. B. Lắp ráp.
C. Vận hành và sửa chữa. D. Chế tạo.

Câu 23. Trong bản vẽ chi tiết của sản phẩm, gồm mấy nội dung:

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 24. Ren có kết cấu:

- A. Đơn giản. B. Phức tạp.
C. Tùy từng trường hợp. D. Đáp án khác.

Câu 25. Kích thước chung trên bản vẽ lắp là kích thước:

- A. Chiều dài sản phẩm
 B. Chiều rộng sản phẩm
 C. Chiều cao sản phẩm
 D. Chiều dài, chiều rộng, chiều cao sản phẩm.

Câu 26. Trình tự đọc bản vẽ nhà theo mấy bước?

- A. 2
 B. 3
 C. 4
 D. 5

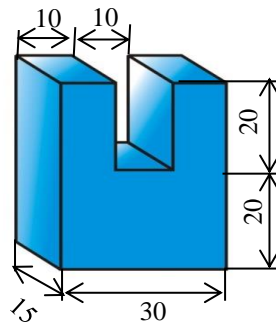
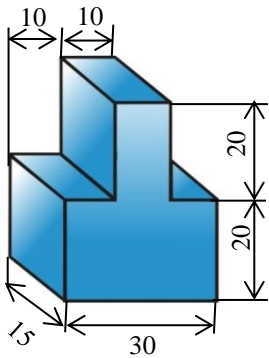
Câu 27. Khi biểu diễn khối tròn xoay, thường dùng mấy hình chiếu?

- A. 1
 B. 2
 C. 3
 D. 4

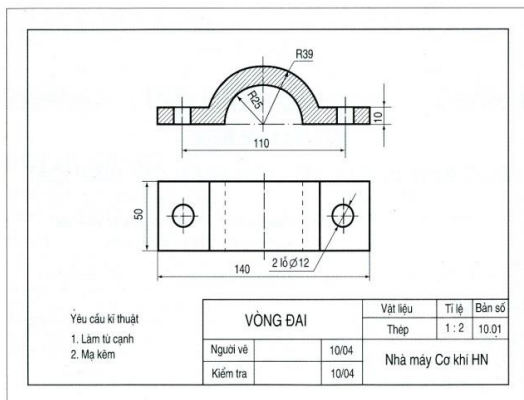
II. Tự luận

Câu 1.

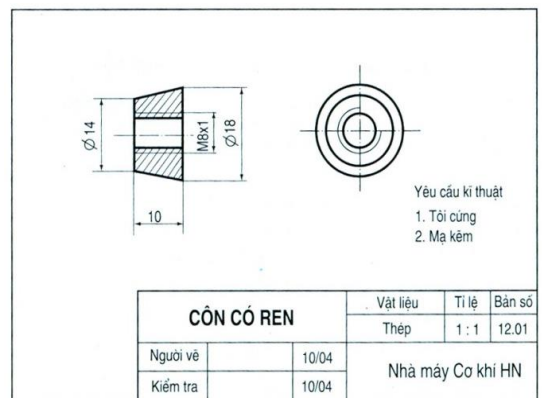
Em hãy vẽ các hình chiếu (*đứng, bằng, cạnh*) của vật thể có hình dạng sau:



Câu 2. Em hãy đọc bản vẽ chi tiết dưới đây theo đúng trình tự.

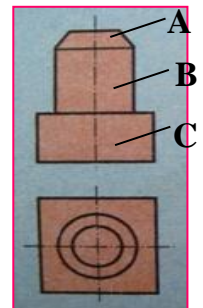
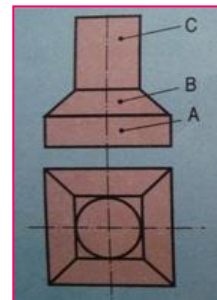


Hình



Hình

Câu 3. Em hãy phân tích hình dạng của vật thể thông qua hình biểu diễn sau:



I. Lý thuyết

1. Các khái niệm: Nguyên tử, nguyên tố hóa học, đơn chất, hợp chất, phân tử, hóa trị.

2. Bài tập: Tìm số hạt proton, electron, notron trong nguyên tử; tìm nguyên tố hóa học chưa biết; tính phân tử khối của chất; tìm hóa trị của nguyên tố chưa biết; lập CTHH của hợp chất.

II. Bài tập tham khảo

Trắc nghiệm:

Chủ đề 1 – Chất. Nguyên tử.

Câu 1: Dây điện được làm bằng đồng. Nhận xét nào sau đây là đúng?

- A. Dây điện và đồng đều là vật thể. B. Dây điện là chất, đồng là vật thể.
C. Dây điện là vật thể, đồng là chất. D. Dây điện và đồng đều là chất.

Câu 2: Cho các vật thể sau: Cái bâng, con người, con khỉ, quyển sách, ngôi nhà, không khí, núi đá. Có bao nhiêu vật thể tự nhiên?

- A. 3. B. 4. C. 5. D. 6.

Câu 3: Trong các dãy chất sau, dãy nào chứa toàn chất tinh khiết?

- A. Không khí, nước mưa. B. Sắt, nước biển.
C. Đồng, nước cất. D. Nước mắt, nước mắm.

Câu 4: Các hạt nào cấu tạo nên nguyên tử của hầu hết các nguyên tố hóa học (trừ hidro)?

- A. Proton, notron. B. Notron, electron.
C. Electron, proton. D. Electron, notron, proton.

Câu 5: Nguyên tố hóa học là tập hợp những nguyên tử cùng loại, có cùng số hạt nào sau đây?

- A. Proton trong hạt nhân. B. Proton ở lớp vỏ.
C. Notron trong hạt nhân. D. Electron ở lớp vỏ.

Câu 6: Nguyên tử khối là khối lượng của nguyên tử tính bằng đơn vị nào sau đây?

- A. Miligam. B. Đơn vị Cacbon. C. Gam. D. Kilogam.

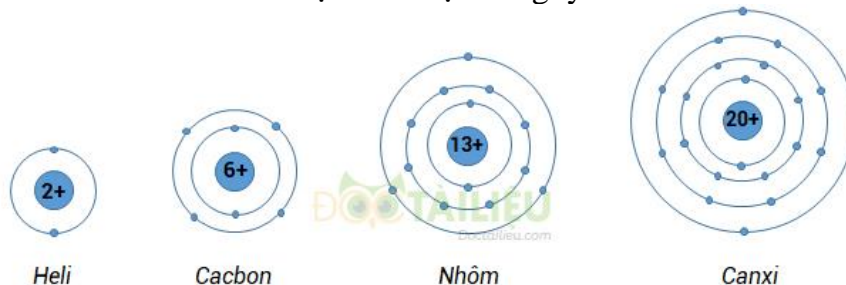
Câu 7: Kí hiệu hóa học của Nhôm là

- A. B B. Al C. Ag D. Ba

Câu 8: Phát biểu nào sau đây **không** đúng?

- A. Dựa vào sự khác nhau về tính chất vật lí có thể tách một chất ra khỏi hỗn hợp.
B. Hiểu biết tính chất của chất giúp phân biệt được chất.
C. Chất tinh khiết không có tính chất vật lí và hóa học nhất định.
D. Muốn biết tính chất của chất cần quan sát, dùng dụng cụ đo hoặc làm thí nghiệm.

Câu 9: Cho sơ đồ cấu tạo của một số nguyên tử sau:



Dãy nào dưới đây lần lượt là số hạt proton của nguyên tử heli, cacbon, nhôm, canxi?

- A. 20; 6; 13; 2. B. 2; 6; 13; 20.
C. 6; 2; 20; 13. D. 20; 13; 6; 2.

Câu 10: Khối lượng của hạt nhân được coi là khối lượng của nguyên tử vì

- A. số lượng hạt electron nhỏ hơn rất nhiều so với số hạt proton và notron.

- B. hạt electron có khối lượng rất lớn so với hạt proton và hạt notron.
- C. hạt electron, hạt proton và hạt notron có khối lượng xấp xỉ nhau.
- D. hạt electron có khối lượng rất nhỏ so với hạt proton và hạt notron.

Câu 11: Một nguyên tử X có tổng số hạt proton, notron, electron bằng 40 hạt. Trong đó số hạt mang điện nhiều hơn số hạt không mang điện là 12 hạt. Trong hạt nhân của X có chứa bao nhiêu hạt proton?

- A. 13 hạt.
- B. 14 hạt.
- C. 15 hạt.
- D. 27 hạt.

Câu 12: Cho nguyên tử X có tổng số hạt là 82, trong đó hạt mang điện âm ít hơn số hạt không mang điện là 4 hạt. Trong nguyên tử X có chứa bao nhiêu hạt proton?

- A. 26.
- B. 27.
- C. 28.
- D. 30.

Chủ đề 2 – Đơn chất, hợp chất. Phân tử

Câu 13: Nhận xét nào sau đây là *sai*?

- A. Những chất được tạo thành từ một nguyên tố hóa học là đơn chất.
- B. Những chất được tạo thành từ hai nguyên tố hóa học trở lên là hợp chất.
- C. Hợp chất được chia làm 2 loại: Hợp chất vô cơ (như NaCl, BaSO₄...) và hợp chất hữu cơ (như CH₄, C₆H₁₂O₆...).
- D. Mỗi nguyên tố hóa học chỉ tạo ra một đơn chất.

Câu 14: Trong các phát biểu sau đây, phát biểu nào *không* đúng?

- A. Trong đơn chất kim loại, các nguyên tử sắp xếp khít nhau và không theo trật tự xác định.
- B. Đơn chất được chia thành 2 loại là đơn chất kim loại và đơn chất phi kim.
- C. H₂O, CO₂, NO₂ là các hợp chất.
- D. O₂, H₂, Cl₂ là các đơn chất.

Câu 15: Nhận xét nào sau đây là *đúng*?

- A. Trong đơn chất kim loại, các nguyên tử xếp khít nhau và theo một số nhất định (thường là 2).
- B. Trong đơn chất phi kim, rất nhiều nguyên tử xếp với nhau theo một trật tự xác định.
- C. Trong hợp chất, các nguyên tử liên kết với nhau theo một tỉ lệ và một thứ tự nhất định.
- D. Nguyên tử là hạt đại diện cho chất, nguyên tử thể hiện đầy đủ tính chất hóa học của chất.

Câu 16: Cách viết nào sau đây chỉ 4 phân tử oxi?

- A. 4O₂.
- B. 4O.
- C. O₈.
- D. 8O.

Chủ đề 3 - Công thức hóa học. Hóa trị

Câu 17: Phát biểu nào sau đây *sai* khi nói về hóa trị?

- A. Hóa trị là con số biểu thị khả năng liên kết của nguyên tử nguyên tố này với nguyên tử nguyên tố kia.
- B. Hoá trị của một nguyên tố được xác định theo hóa trị của H chọn làm đơn vị và hóa trị của O là II.
- C. Biểu thức quy tắc hóa trị áp dụng với hợp chất A_xB_y: x. a = y. b (với a là hóa trị của nguyên tố A, b là hóa trị của nguyên tố B).
- D. Mỗi nguyên tố chỉ có một hóa trị.

Câu 18: Hóa trị của O được quy ước bằng bao nhiêu?

- A. I.
- B. II.
- C. IV.
- D. III.

Câu 19: Hợp chất tạo bởi nguyên tố X với nhóm (NO₃) có công thức hóa học là X(NO₃)₃ và hợp chất tạo bởi nguyên tố Y với nguyên tố H có công thức hóa học là YH₄. Công thức hóa học nào đúng cho hợp chất tạo bởi nguyên tố X và nguyên tố Y?

- A. XY.
- B. X₃Y₄.
- C. XY₃.
- D. X₄Y₃.

Câu 20: Biết Fe hoá trị II. Công thức hoá học nào sau đây viết *đúng*?

- A. FeO.
- B. Fe₂O₃.
- C. FeO₂.
- D. FeO₃.

Câu 21: Trong một phân tử natri cacbonat gồm 2Na liên kết với 1C và 3O. Xác định công thức hóa học của natri cacbonat trong các công thức sau.

A. Na_2CO_3 . B. Na_2CO_3 . C. NaCO . D. $2\text{NaC}_3\text{O}$.

Câu 22: Xác định hóa trị của Zn trong hợp chất $\text{Zn}(\text{NO}_3)_2$, biết NO_3 hóa trị I.

A. 1. B. 2. C. I. D. II.

Câu 23: Hóa trị tương ứng của lưu huỳnh trong hợp chất SO_x (có phân tử khối 80 đvC) là giá trị nào dưới đây? (Biết $\text{O} = 16$; $\text{S} = 32$)

A. II. B. III. C. IV. D. VI.

Câu 24: Hợp chất có công thức XO_3 trong đó X chiếm 40% về khối lượng. Nguyên tố X là nguyên tố nào dưới đây? (Biết $\text{O} = 16$; $\text{S} = 32$; $\text{N} = 14$; $\text{Cr} = 52$; $\text{Al} = 27$)

A. Cr. B. S. C. Al. D. N.

Câu 25: Hợp chất H_3RO_4 có phân tử khối bằng 98 đvC. R là nguyên tố nào dưới đây? (Biết $\text{H} = 1$; $\text{O} = 16$; $\text{P} = 31$; $\text{S} = 32$; $\text{C} = 12$; $\text{N} = 14$)

A. P. B. S. C. C. D. N.

Tự luận:

Bài 1: Viết CTHH và nêu ý nghĩa CTHH của các hợp chất sau:

a) Canxi sunfat, biết trong phân tử có 1Ca, 1S, 4O.

b) Kali photphat, biết trong phân tử có 3K, 1P, 4O.

Bài 2: Hãy lập công thức hóa học của hợp chất tạo bởi:

a) Bari hóa trị II và nhóm (NO_3) hóa trị I.

b) Nhôm hóa trị III và nhóm (PO_4) hóa trị III.

Bài 3: Một hợp chất A có phân tử gồm 2 nguyên tử của nguyên tố X liên kết với 5 nguyên tử O và nặng hơn phân tử hiđro là 71 lần.

a) Tính phân tử khối của hợp chất.

b) Tính nguyên tử khối của X, cho biết tên và kí hiệu hóa học của nguyên tố đó.

c) Tính % theo khối lượng của nguyên tố X trong hợp chất trên.

Bài 4: Phân tử của một hợp chất gồm nguyên tử của nguyên tố X liên kết với 3 nguyên tử oxi. Nguyên tố X chiếm 40% về khối lượng của hợp chất.

a) Tính phân tử khối của hợp chất.

b) Tính nguyên tử khối, cho biết tên và KHHH của nguyên tố X.

($\text{H} = 1$, $\text{C} = 12$, $\text{N} = 14$, $\text{O} = 16$, $\text{Na} = 23$, $\text{Mg} = 24$, $\text{Al} = 27$, $\text{P} = 31$, $\text{S} = 32$, $\text{Cl} = 35,5$, $\text{K} = 39$, $\text{Ca} = 40$, $\text{Mn} = 55$, $\text{Fe} = 56$, $\text{Cu} = 64$, $\text{Zn} = 65$, $\text{Ag} = 108$, $\text{Ba} = 137$, $\text{Pb} = 207$)

I. Lý thuyết

1. Chuyển động cơ học.
2. Vận tốc.
3. Chuyển động đều – chuyển động không đều.
4. Biểu diễn lực.
5. Sự cân bằng lực – quán tính.
6. Lực ma sát.

II. Bài tập**A. Trắc nghiệm**

Câu 1. Công thức tính vận tốc là gì?

- A. $v = \frac{s}{t}$ B. $v = \frac{t}{s}$ C. $v = s.t$ D. $v = m/s$.

Câu 2. Lực là đại lượng vectơ vì

- A. lực có độ lớn, phương và chiều C. lực làm cho vật thay đổi tốc độ
B. lực làm cho vật bị biến dạng D. lực làm cho vật chuyển động

Câu 3. Chuyển động nào dưới đây là chuyển động không đều?

- A. Chuyển động của kim phút đồng hồ.
B. Chuyển động quay của Trái Đất xung quanh trục của nó.
C. Chuyển động của xe máy trên đoạn đường nhất định, khi ta nhìn thấy kim đồng hồ đo tốc độ luôn chỉ 40 km/h.
D. Chuyển động của một quả bóng đá lăn xuống dốc.

Câu 4. Hai lực cân bằng là hai lực có

- A. cùng phương, cùng chiều, cùng độ lớn và tác dụng vào cùng một vật.
B. cùng phương, ngược chiều, khác nhau về độ lớn và tác dụng vào cùng một vật.
C. cùng phương, ngược chiều, cùng độ lớn và tác dụng vào cùng một vật.
D. cùng phương, ngược chiều, cùng độ lớn và tác dụng vào cùng hai vật khác nhau.

Câu 5. Quỹ đạo chuyển động nào dưới đây có dạng đường thẳng?

- A. Một chiếc lá rơi từ trên cây xuống.
B. Bánh xe khi xe đang chuyển động.
C. Một viên phấn rơi từ trên cao xuống.
D. Một viên đá được ném theo phương ngang

Câu 6. Độ lớn của vận tốc cho biết tính chất nào của chuyển động?

- A. Quỹ đạo của chuyển động thẳng hay cong.
B. Quãng đường chuyển động dài hay ngắn.
C. Thời gian chuyển động dài hay ngắn.
D. Tốc độ chuyển động nhanh hay chậm.

Câu 7. Đại lượng nào dưới đây là đại lượng vectơ?

- A. Độ dài. B. Khối lượng. C. Lực. D. Nhiệt độ.

Câu 8. Một chiếc xe máy chở 2 người đang đi trên đường. Trong các mô tả sau, câu nào đúng?

- A. Hai người đứng yên so với bánh xe.
B. Người ngồi sau chuyển động so với người cầm lái.
C. Người cầm lái chuyển động so với xe.
D. Hai người chuyển động so với mặt đường.

Câu 9. Một xe đạp đi với vận tốc 12 km/h. Con số đó cho ta biết điều gì?

- A. Thời gian đi của xe đạp.
- B. Quãng đường đi của xe đạp.
- C. Xe đạp đi 1 giờ được 12km.
- D. Mỗi giờ xe đạp đi được 12km.

Câu 10. Khi một vật chỉ chịu tác dụng của hai lực cân bằng thì

- A. vật đang đứng yên sẽ tiếp tục đứng yên, vật đang chuyển động sẽ ngay lập tức dừng lại
- B. vật đang đứng yên sẽ chuyển động, vật đang chuyển động sẽ tiếp tục chuyển động thẳng đều.
- C. vật đang đứng yên sẽ chuyển động thẳng đều, vật đang chuyển động sẽ đứng yên.
- D. vật đang đứng yên sẽ tiếp tục đứng yên, vật đang chuyển động sẽ tiếp tục chuyển động thẳng đều.

Câu 11. Trường hợp nào dưới đây xuất hiện lực ma sát nghỉ?

- A. Kéo một quyển vở trên bàn.
- B. Thùng hàng trong toa tàu đang chuyển động.
- C. Quả bóng lăn trên mặt đất.
- D. Kéo cửa để cất gỗ.

Câu 12. Khi nói Mặt Trăng quay xung quanh Trái Đất, thì vật nào sẽ được chọn làm vật mốc?

- A. Trái Đất
- B. Mặt Trăng
- C. Một vật trên Mặt Trăng
- D. Một vật trên Trái Đất

Câu 13. Một khúc gỗ trôi trên sông, kết luận nào dưới đây **không đúng**?

- A. Nếu chọn bờ sông làm mốc, thì khúc gỗ đang chuyển động so với bờ sông.
- B. Nếu chọn khúc gỗ làm mốc, thì bờ sông đang chuyển động so với khúc gỗ.
- C. Nếu chọn dòng nước làm mốc, thì khúc gỗ đang chuyển động so với dòng nước.
- D. Nếu chọn dòng nước làm mốc, thì khúc gỗ đang đứng yên so với dòng nước.

Câu 14. Một ô tô đỗ trong bến xe, ô tô sẽ chuyển động so với vật mốc nào?

- A. Bến xe.
- B. Một ô tô khác đang rời bến
- C. Một ô tô khác đang đậu trong bến
- D. Cột điện trước bến xe

Câu 15. Khi nói về chuyển động cơ học, kết luận nào dưới đây là đúng?

- A. Chuyển động cơ học là sự dịch chuyển của vật.
- B. Chuyển động cơ học của một vật là sự thay đổi vị trí của vật đó so với các vật khác theo thời gian.
- C. Chuyển động cơ học là sự thay đổi vận tốc của vật.
- D. Chuyển động cơ học là sự chuyển dời vị trí của vật.

Câu 16. Có mấy loại lực ma sát?

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

Câu 17. Xe ô tô đang chuyển động thì đột ngột dừng lại. Hành khách trên xe sẽ

- A. xô người về phía trước.
- B. nghiêng người sang bên trái.
- C. nghiêng người sang bên phải.
- D. xô người về phía sau.

Câu 18. Đơn vị nào dưới đây **không phải** là đơn vị của vận tốc?

- A. m/s
- B. km/h
- C. kg/m³
- D. cm/phút

Câu 19. Nhận định nào dưới đây là **sai**?

- A. Lực có tác dụng làm đổi hướng của vận tốc.
- B. Lực không phải là một đại lượng véctơ.
- C. Lực có tác dụng làm vật bị biến dạng.
- D. Lực có tác dụng làm thay đổi độ lớn của vận tốc.

Câu 20. Trong các trường hợp sau, trường hợp nào không cần tăng ma sát?

- A. Khi quét diêm.
- B. Bảng trơn và nhẵn quá.
- C. Khi phanh gấp, muốn cho xe dừng lại.
- D. khi xe ô tô đi trên đất mềm.

Câu 21. Trường hợp nào dưới đây ma sát có ích?

- A. Ma sát làm mòn lốp xe
 B. Ma sát làm oto qua được chỗ lầy.

- C. Ma sát sinh ra giữa trục xe và bánh xe.
 D. Ma sát sinh ra khi vật trượt trên sàn.

Câu 22. Lực được biểu diễn bằng một mũi tên có đầy đủ những yếu tố nào?

- A. Phương, chiều.
 B. Điểm đặt, phương, độ lớn.
 C. Điểm đặt, phương, chiều và độ lớn
 D. Điểm đặt, phương, chiều.

Câu 23. Lực nào giúp ta bê một thùng hàng mà không bị trượt khỏi tay?

- A. Lực hút của Trái Đất.
 B. Lực ma sát lăn.
 C. Lực ma sát trượt.
 D. Lực ma sát nghỉ.

Câu 24. Quan sát một đoàn tàu đang chạy vào ga, mô tả nào là sai?

- A. Đoàn tàu đang chuyển động so với nhà ga.
 B. Đoàn tàu đang đứng yên so với người lái tàu.
 C. Đoàn tàu đang chuyển động so với hành khách đang ngồi trên tàu.
 D. Đoàn tàu đang chuyển động so với hành khách đang đứng dưới sân ga.

Câu 25. Công thức nào dưới đây để tính vận tốc trung bình trên quãng đường gồm 2 đoạn s_1 và s_2 .

- A. $v = \frac{s_1}{t_1}$
 B. $v = \frac{s_2}{t_2}$
 C. $v = \frac{v_1 + v_2}{2}$
 D. $v = \frac{s_1 + s_2}{t_1 + t_2}$

Câu 26. Trong các chuyển động dưới đây chuyển động nào do tác dụng của trọng lực?

- A. Xe đi trên đường
 B. Thác nước đổ từ trên cao xuống
 C. Mũi tên bắn ra từ cánh cung
 D. Quả bóng bị nảy bật lên khi chạm đất

Câu 27. Trường hợp nào dưới đây chuyển động mà **không** có lực tác dụng?

- A. Xe máy đang đi trên đường
 B. Xe đạp chuyển động trên đường do quán tính.
 C. Chiếc thuyền chạy trên sông
 D. Chiếc đu quay đang quay

Câu 28. Trường hợp nào dưới đây xuất hiện lực ma sát lăn?

- A. Ma sát giữa má phanh và vành bánh xe khi phanh xe
 B. Ma sát khi đánh diêm
 C. Ma sát tay cầm quả bóng
 D. Ma sát giữa bánh xe với mặt đường

Câu 29. Một xe ô tô đang đứng yên đột ngột di chuyển. Hành khách trên xe sẽ như thế nào?

- A. Hành khách nghiêng sang phải
 B. Hành khách nghiêng sang trái
 C. Hành khách ngã về phía trước
 D. Hành khách ngã về phía sau

Câu 30. Một ô tô đang chuyển động trên mặt đường, lực tương tác giữa bánh xe với mặt đường là

- A. ma sát trượt
 B. ma sát nghỉ
 C. ma sát lăn
 D. lực quán tính

B. TỰ LUẬN

Bài 1: Một học sinh đi từ nhà đến trường với vận tốc 10 km/h, khi đi từ trường về nhà thì mất 15 phút. Biết quãng đường từ nhà đến trường là 2000m.

- a. Tính thời gian bạn học sinh đó đi đến trường.
 b. Hỏi vận tốc trung bình của học sinh đó trong cả hai lượt đi và về là bao nhiêu?

Bài 2: Một xe đạp chuyển động trên quãng đường thứ nhất dài 8km hết 20 phút; quãng đường thứ hai dài 15km hết $\frac{3}{4}$ giờ; quãng đường thứ ba dài 10 km hết $\frac{1}{2}$ giờ. Tính vận tốc trung bình của xe đạp trên mỗi quãng đường và trên cả ba quãng đường.

Bài 3: Biểu diễn những lực sau đây:

- a. Trọng lực tác dụng lên vật có khối lượng 1kg, tỉ xích 1cm ứng với 5N.

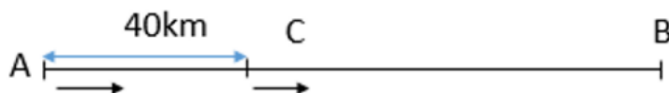
- b. Một vật đang đứng yên thì chịu tác dụng của ba lực cùng phương có cường độ lần lượt là $F_1 = 60\text{N}$, $F_2 = 30\text{N}$ và $F_3 = 30\text{N}$. Chỉ có 3 lực này tác dụng vào vật và vật vẫn đứng yên. Em có kết luận gì về chiều của ba lực này? Vẽ hình minh họa.
- c. Lực kéo tác dụng lên 1 xà lan có độ lớn 3000N , theo phương ngang, chiều từ phải qua trái, tỉ xích $0,5\text{ cm}$ ứng với 500N .
- d. Lực tác dụng lên một quả bóng có độ lớn 50N , theo phương hợp với phương ngang 1 góc 30° , chiều từ dưới lên trên.

Bài 4: Giải thích các hiện tượng sau đây:

- a. Tại sao người ngồi trên oto đang chuyển động trên đường thẳng, nếu oto đột ngột rẽ phải thì hành khách trên xe bị nghiêng mạnh sang trái.
- b. Tại sao xe máy đang đứng yên, nếu đột ngột cho xe chuyển động thì người ngồi trên xe bị ngã về phía sau.
- c. Tại sao người ta phải dùng đường băng dài để cho máy bay cất cánh và hạ cánh.
- d. Tại sao khi rửa rau sống, trước khi dọn lên đĩa, người ta thường để rau vào rổ và vẩy mạnh, khi đó rau ráo bớt nước.

Bài 5: Một đoàn tàu đang giảm tốc độ khi vào ga, biết lực kéo của đầu máy là 20000N . Em có nhận xét gì về độ lớn của lực ma sát khi đó?

Bài 6: Lúc 12 giờ trưa, một ô tô xuất phát từ điểm A tới B với vận tốc 60km/giờ . Cùng lúc đó, từ điểm C trên đường từ A đến B và cách A 40km , một người đi xe máy với vận tốc 45 km/giờ về B. Hỏi lúc mấy giờ ô tô đuổi kịp người đi xe máy?



Bài 7: Lúc 6 giờ sáng, một người lái ô tô xuất phát từ điểm A tới C với vận tốc 40km/h . Cùng lúc đó, từ điểm B cách A 10km , một người đi xe máy với vận tốc 35 km/h và đi cùng chiều với ô tô. Ô tô và xe máy gặp nhau tại điểm C. Hỏi khi đó người đi xe máy đã đi được bao nhiêu km?



I. NỘI DUNG ÔN TẬP:

- *Chủ đề 1: Khái quát cơ thể người*
 - + Cấu tạo cơ thể người.
 - + Tế bào, mô, phản xạ.
- *Chủ đề 2: Vận động*
 - + Bộ xương.
 - + Cấu tạo và tính chất của cơ, của xương.
 - + Hoạt động của cơ.
 - + Tiến hóa của hệ vận động. Vệ sinh hệ vận động
- *Chủ đề 3: Tuần hoàn*
 - + Máu và môi trường trong cơ thể.
 - + Bạch cầu – miễn dịch.
 - + Đông máu và nguyên tắc truyền máu.
 - + Tuần hoàn máu và lưu thông bạch huyết.

II. Câu hỏi minh họa

A. Một số câu hỏi tự luận

Câu 1: Vacxin là gì? Vì sao người ta có khả năng miễn dịch sau khi được tiêm vacxin hoặc sau khi bị mắc một bệnh nhiễm khuẩn nào đó?

Câu 2: Ở người có mấy loại khớp xương? Nêu đặc điểm của các loại khớp đó và cho ví dụ minh họa.

Câu 3: Khi gặp người bị ngã gãy xương cách tay, thì em cần làm gì để sơ cứu và băng bó cho người đó?

Câu 4: Lấy ví dụ về 1 cung phản xạ và phân tích cung phản xạ đó.

Câu 5: Tại sao khi truyền dịch người ta không truyền vào động mạch?

B. Một số câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1: Loại tế bào máu nào tham gia vào quá trình đông máu?

- A. Hồng cầu. B. Bạch cầu. C. Tiểu cầu. D. Cả 3 loại trên.

Câu 2: Loại xung thần kinh nào dưới đây không xuất hiện trong một cung phản xạ?

1. Xung thần kinh li tâm.
2. Xung thần kinh li tâm điều chỉnh.
3. Xung thần kinh thông báo ngược.
4. Xung thần kinh hướng tâm.

- A. 1, 2 B. 2, 3 C. 1, 4 D. 1, 3

Câu 3: Ở xương dài, màng xương có chức năng gì?

- A. Giúp giảm ma sát khi chuyển động. B. Giúp xương dài ra.
C. Giúp xương phát triển to về bề ngang. D. Giúp dự trữ các chất dinh dưỡng.

Câu 4: Vận tốc truyền xung thần kinh trên dây thần kinh có bao myelin ở người khoảng

- A. 200 m/s. B. 50 m/s. C. 100 m/s. D. 150 m/s.

Câu 5: Trong hệ bạch huyết người, phân hệ nhỏ làm nhiệm vụ thu bạch huyết ở

- A. nửa dưới bên trái cơ thể. B. nửa trên bên trái cơ thể.

C. nửa trên bên phải cơ thể.

D. nửa dưới bên phải cơ thể.

Câu 6: Người mang nhóm máu AB có thể truyền máu cho người mang nhóm máu nào mà không xảy ra sự kết dính hồng cầu?

A. Nhóm máu O

B. Nhóm máu A

C. Nhóm máu AB

D. Nhóm máu B

Câu 7: Để hưởng ứng ngày hiến máu nhân đạo, thầy Tuấn đã ra phường Thượng Thanh để đăng kí hiến máu. Theo quy định về hiến máu nhân đạo thì lượng máu đem hiến không quá 1/10 lượng máu trong cơ thể. Vậy lượng máu tối đa thầy Tuấn có thể hiến là bao nhiêu? (Biết rằng thầy Tuấn nặng 65kg và nam giới có 80ml máu/kg)

A. 520ml.

B. 450ml.

C. 250ml.

D. 300ml.

Câu 8: Cơ sẽ bị duỗi tối đa trong trường hợp nào dưới đây?

A. Mọi cơ

B. Liệt cơ

C. Viêm cơ

D. Xơ cơ

Câu 9: Cơ thể người được phân chia thành mấy phần? Đó là những phần nào?

A. 2 phần: thân và các chi

B. 2 phần: đầu và thân

C. 3 phần: đầu, thân và các chi

D. 3 phần: đầu, cổ và thân

Câu 10: Con người có bao nhiêu đôi xương sườn?

A. 12 đôi.

B. 24 đôi.

C. 36 đôi.

D. 18 đôi.

Câu 11: Cấu tạo tế bào gồm có mấy bộ phận chính?

A. 2 phần: màng tế bào và nhân

B. 3 phần: màng tế bào, chất tế bào và ti thể

C. 2 phần: chất tế bào và màng tế bào

D. 3 phần: màng tế bào, chất tế bào và nhân

Câu 12: Trong bàn tay người, ngón nào có khả năng cử động linh hoạt nhất?

A. Ngón út

B. Ngón giữa

C. Ngón cái

D. Ngón trỏ

Câu 13: Loại bạch cầu nào có chức năng tiết protein đặc hiệu để phá hủy tế bào bị nhiễm bệnh?

A. Bạch cầu trung tính.

B. Bạch cầu limphô B.

C. Bạch cầu mônô.

D. Bạch cầu limphô T.

Câu 14: Hiện tượng mỏi cơ có liên quan mật thiết đến sự sản sinh loại axit hữu cơ nào?

A. Axit axetic.

B. Axit acrylic

C. Axit malic.

D. Axit lactic.

Câu 15: Trong hoạt động miễn dịch của cơ thể người, sự kết hợp của cặp nhân tố nào dưới đây diễn ra theo cơ chế chìa khoá và ổ khoá ?

A. Kháng nguyên – kháng thể

B. Kháng sinh – kháng thể

C. Kháng nguyên – kháng sinh

D. Vi khuẩn – prôtêin độc

Câu 16: Khi nói về mô, nhận định nào dưới đây là đúng?

A. Các tế bào trong một mô không phân bố tập trung mà nằm rải rác khắp cơ thể

B. Chưa biệt hóa về cấu tạo và chức năng

C. Gồm những tế bào đảm nhiệm những chức năng khác nhau

D. Gồm những tế bào có cấu tạo giống nhau

Câu 17: Trong tế bào, Riboxom có vai trò

A. tham gia hoạt động hô hấp và giải phóng năng lượng.

B. thu nhận, hoàn thiện, phân phối sản phẩm.

C. tham gia quá trình phân chia tế bào.

D. là nơi tổng hợp prôtêin.

Câu 18: Trong cơ thể người phụ nữ, loại tế bào nào có kích thước lớn nhất?

- A. Tế bào gan. B. Tế bào trứng C. Tế bào cơ D. Tế bào xương

Câu 19: Khi cơ thể bị mất nước nhiều (khi tiêu chảy, khi lao động nặng ra mồ hôi nhiều...), máu có thể lưu thông dễ dàng trong mạch nữa không? Vì sao?

- A. Có vì lúc này máu đặc khó lưu thông hơn.
B. Có vì lúc này máu loãng dễ lưu thông hơn.
C. Không vì này máu đặc khó lưu thông hơn.
D. Không vì máu loãng dễ lưu thông hơn.

Câu 20: Giải thích nào sau đây là đúng về hiện tượng liền xương khi gãy?

Sau khi xương bị gãy thì

- A. màng xương phân chia tạo ra tế bào xương mới, gắn liền bộ phận bị gãy lại với nhau.
B. sụn tăng trưởng phân chia tạo ra tế bào xương mới, gắn liền bộ phận bị gãy lại với nhau.
C. mô xương cứng phân chia tạo ra tế bào xương mới, gắn liền bộ phận bị gãy lại với nhau.
D. mô xương xốp phân chia tạo ra tế bào xương mới, gắn liền bộ phận bị gãy lại với nhau.

Câu 21: Trong cơ thể người, cơ quan nào dưới đây nằm trong khoang ngực?

- A. Dạ dày B. Lá lách C. Phổi D. Gan

Câu 22: Nước mô không bao gồm thành phần nào dưới đây?

- A. Huyết tương B. Hồng cầu C. Bạch cầu D. Tiểu cầu

Câu 23: Những loại bạch cầu nào tham gia vào quá trình thực bào?

- A. Bạch cầu ưa kiềm và bạch cầu limphô. B. Bạch cầu trung tính và bạch cầu ưa axit.
C. Bạch cầu ưa axit và bạch cầu mônô. D. Bạch cầu mônô và bạch cầu trung tính.

Câu 24: Người trưởng thành có bao nhiêu chiếc xương?

- A. 302 B. 300 C. 206 D. 108

Câu 25: Sụn tăng trưởng có vai trò

- A. làm cho xương to ra về bề ngang. C. giảm ma sát trong các khớp xương.
B. làm cho xương dài ra. D. phân tán lực tác động.

TRƯỜNG THCS THANH AM

Năm học 2022- 2023

NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I MÔN GDCD LỚP 8

A/ HỆ THỐNG BÀI HỌC

1. Liêm khiết.
2. Tôn trọng người khác.
3. Tôn trọng lẽ phải.
4. Giữ chữ tín.

B/ BÀI TẬP

1. Nắm được khái niệm trong mỗi bài học và trả lời được các câu hỏi, bài tập sau mỗi bài học trong SGK.
2. Tạo được tình huống, giải quyết được một số tình huống có liên quan đến từng bài học.
3. Tìm, giải thích được một số thành ngữ, tục ngữ, ca dao, danh ngôn,... liên quan đến từng bài học.
4. Liên hệ bản thân, điều chỉnh hành vi sao cho phù hợp với chuẩn mực đạo đức ở từng bài.

C. MỘT SỐ CÂU HỎI CỤ THỂ

Câu 1: Thế nào là liêm khiết? Ý nghĩa của phẩm chất liêm khiết. Để trở thành người liêm khiết, em cần rèn luyện những đức tính gì? Em hãy kể tên một tấm gương sống liêm khiết.

Câu 2: Tôn trọng người khác là gì? Biết tôn trọng người khác sẽ có ý nghĩa thế nào? Nêu hai việc làm của bản thân thể hiện sự tôn trọng người khác.

Câu 3: Thế nào là tôn trọng lẽ phải? Nêu bốn biểu hiện của bản thân thể hiện sự tôn trọng lẽ phải. Em hãy tìm hai câu ca dao, tục ngữ về tôn trọng lẽ phải.

Câu 4: Thế nào là giữ chữ tín? Vì sao phải giữ chữ tín? Hãy nêu bốn việc làm của em thể hiện việc giữ chữ tín trong cuộc sống hàng ngày.

Câu 5: Bài tập tình huống

Tình huống 1:

Em nhận xét gì về các tình huống sau đây và cho hướng giải quyết thích hợp.

a. Để tên tội phạm yên tâm ra đầu thú, anh công an hứa sẽ trả tự do cho hắn. Anh nghĩ thầm : Mình không cần giữ lời hứa với kẻ có tội.

- Nhận xét:

- Hướng giải quyết:

b. Cứ mỗi lần phạm lỗi là Vân lại nhanh nhẩu nhận khuyết điểm, nhưng rồi em vẫn tái phạm. Em nghĩ : Ai mà chẳng có lỗi chứ !

- Nhận xét:

- Hướng giải quyết:

Tình huống 2:

Khánh là học sinh lớp 8B. Bạn thường ăn quà vặt trong lớp và hay đùa nghịch trong giờ học. Câu hỏi:

1. Theo em, Khánh có phải là học sinh biết tôn trọng lẽ phải hay không?
2. Nếu em là bạn của Khánh, em sẽ nói với bạn điều gì ?

Tình huống 3.

Đầu giờ truy bài, Sao đỏ đến chấm điểm thi đua của lớp 8E thì thấy Tân đang đùa nghịch, chạy nhảy khắp lớp. Sao đỏ nhắc nhở thì Tân liền đấm ngay vào mặt bạn Sao đỏ và còn chế nhạo bạn là tay sai, là người giúp việc.

Câu hỏi:

- 1/ Em có nhận xét gì về hành động của Tân trong tình huống trên?
- 2/ Em sẽ ứng xử và hành động như thế nào nếu chứng kiến tình huống đó ?

A. NỘI DUNG ÔN TẬP

1. Học sinh ôn tập kiến thức các bài: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8.

2. Nội dung chính:

* *Phần 1: Đặc điểm tự nhiên châu Á.*

- Vị trí địa lí, địa hình và khoáng sản.
- Khí hậu, sông ngòi và cảnh quan châu Á.

* *Phần 2: Đặc điểm kinh tế - xã hội châu Á.*

- Đặc điểm dân cư, xã hội châu Á.
- Đặc điểm kinh tế các nước châu Á.

B. CẤU TRÚC ĐỀ THI: 50% trắc nghiệm + 50% tự luận.

C. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1: Em hãy cho biết, cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung đã ảnh hưởng như thế nào đến nền kinh tế-xã hội của 2 nước?



Câu 2: Trình bày đặc điểm vị trí địa lí, địa hình châu Á.

Câu 3: So sánh đặc điểm kiểu khí hậu gió mùa và kiểu khí hậu lục địa.

Câu 4: So sánh đặc điểm sông ngòi Đông Nam Á, Nam Á, Đông Á với sông ngòi Tây Nam Á, Trung Á.

Câu 5: Cho đoạn thông tin sau

Tại thị trường Singapore, giá dầu Brent Biển Bắc giao kỳ hạn tăng 0,5% lên 71 USD/thùng. Giá dầu ngọt nhẹ Mỹ (WTI) giao kỳ hạn tăng 0,1% lên 61,73 USD/thùng.

Bộ trưởng Năng lượng Saudi Arabia Khalid al-Falih ngày 13/5 cho biết hai tàu chở dầu của quốc gia này đã bị "tấn công phá hoại" ở ngoài khơi thành phố cảng Fujairah của Các Tiểu vương quốc Arab Thống nhất (UAE). Một trong hai tàu kể trên đang trên đường vận chuyển dầu thô của Saudi Arabia từ cảng Ras Tanura tới các khách hàng của Tập đoàn dầu mỏ nhà nước Saudi Aramco tại Mỹ. Phía Saudi Arabia cho rằng đây là một nỗ lực phá hoại an ninh nguồn cung dầu toàn cầu.

Em có suy nghĩ gì khi đọc thông tin trên. Em có biết hiện nay ở châu Á còn có những cuộc chiến tranh dầu mỏ nào?

I. NỘI DUNG ÔN TẬP

Học sinh ôn lại kiến thức các bài thuộc các nội dung chính sau:

* **Thời kì xác lập của chủ nghĩa tư bản.**

Bài 1: Những cuộc cách mạng tư sản đầu tiên

Bài 2: Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII

Bài 3: Chủ nghĩa tư bản xác lập trên phạm vi thế giới

* **Phong trào công nhân quốc tế cuối thế kỉ XVIII đến đầu thế kỉ XX.**

Bài 4: Phong trào công nhân và sự ra đời của chủ nghĩa Mác

Bài 7: Phong trào công nhân quốc tế cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX

Bài 17: Mục I.2. Cao trào cách mạng 1918 – 1923. Quốc tế cộng sản thành lập

* **Các nước Âu – Mỹ cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX**

Bài 5: Công xã Pa-ri

Bài 6: Các nước Anh, Pháp, Đức, Mỹ cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX

II. CẤU TRÚC ĐỀ THI: 50% trắc nghiệm + 50% tự luận

III. CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1. So sánh, rút ra điểm giống và khác nhau giữa Cuộc cách mạng tư sản Anh; Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ .

Câu 2. Em hãy trình bày những thành tựu tiêu biểu của cuộc cách mạng công nghiệp diễn ra vào thế kỉ XVIII.

Câu 3. Nêu tác động quan trọng của cuộc cách mạng công nghiệp diễn ra vào thế kỉ XVIII đối với sản xuất và đời sống.

Câu 4. Trình bày ý nghĩa lịch sử của Công xã Pa-ri.

Câu 5. Nêu được những chuyển biến lớn về kinh tế, chính sách đối nội, đối ngoại của các đế quốc Anh, Pháp, Đức, Mỹ từ cuối thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX.

TRƯỜNG THCS THANH AM
Năm học 2022-2023

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA KÌ I
Môn: Âm nhạc 8

I. Ôn tập bài hát:

- Bài hát *Mùa thu ngày khai trường*
- Bài hát: *Lí đĩa bánh bò*

II. Ôn tập: tập đọc nhạc.

- TĐN số 1.
- TĐN số 2 .

TRƯỜNG THCS THANH AM
NĂM HỌC 2022 - 2023

NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I
Môn: Thể dục – khối 8

I. Nội dung ôn tập

- Bài thể dục phát triển chung.

II. Yêu cầu.

- Học sinh thuộc và thực hiện đúng các động tác trong bài thể dục phát triển chung.

I. Nội dung bài học

1. Vẽ tranh : Nhà giáo Việt Nam
2. Vẽ tranh : Đề tài gia đình

II. Yêu cầu cần đạt

HS được củng cố về các kiến thức: vẽ tranh đề tài

III. Hướng dẫn ôn tập

1. Lí thuyết

- Thế nào là vẽ tranh đề tài?
- Các bước vẽ tranh đề tài

2. Thực hành

- Vẽ tranh đề tài:
 - + Hình thức: bài vẽ theo đúng theo đề tài
 - + Bố cục: hợp lí, hài hòa.
 - + Hình vẽ: đẹp, có ý nghĩa
 - + Màu sắc: tươi sáng, hài hòa màu sắc giữa các hình ảnh với nền
 - + Thể hiện sáng tạo, có tính thẩm mỹ

3. Yêu cầu thực hành

Thực hành trên khổ giấy A4

BAN GIÁM HIỆU
(Kí duyệt)

Lê Thị Ngọc Anh

